

Tổng quan về IELTS Writing Task 1

1. Các yêu cầu và lưu ý chung

IELTS Writing Task 1 yêu cầu thí sinh sẽ phải viết một bản báo cáo để miêu tả và chỉ ra những đặc điểm nổi bật của một biểu đồ.

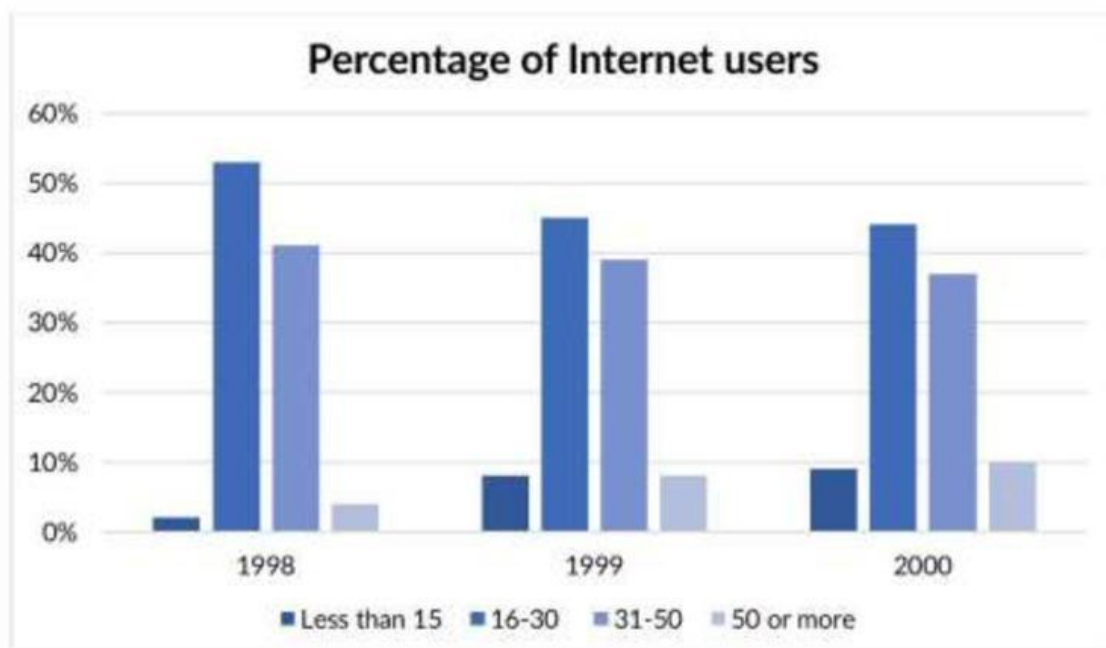
Ví dụ

You should spend about 20 minutes on this task.

The chart below gives data about the percentages of Internet users, categorized by age groups.

Summarize the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant.

Write at least 150 words.



- Thời gian: 20 phút
- Số từ tối thiểu: 150 từ
- Cách tính điểm: chiếm 1/3 số điểm bài thi Writing

Ghi nhớ

1. Chỉ nên dành tối đa 20 phút cho phần Task 1. Thí sinh có 1 tiếng để hoàn thành cả 2 phần Task 1 và Task 2 của phần thi Writing. Phần Task 1 chỉ chiếm 1/3 số điểm và cần tối thiểu 150 từ (so với số từ tối thiểu 250 và chiếm 2/3 số điểm của Task 2), vì vậy thời gian dành cho phần này chỉ nên giới hạn trong 20 phút.
2. Đảm bảo viết được ít nhất 150 từ. Không có giới hạn tối đa về số từ, tuy nhiên không nên viết quá 200 từ (dài, tốn nhiều thời gian)
3. Không cho ý kiến cá nhân hoặc những thông tin không được đề cập đến trong biểu đồ vào bài viết. Tuyệt đối không nên dùng những từ như: I, We, You, They,...
4. Không nên đặt bút viết ngay mà cần lên dàn ý trước. Việc lên kế hoạch cụ thể trước khi viết sẽ giúp chúng ta viết bài một cách dễ dàng và trơn tru hơn.
5. Lựa chọn thông tin nổi bật, đáng chú ý để mô tả. Đề bài yêu cầu thí sinh "Summarise the information by selecting and reporting the main features" – tóm tắt, lựa chọn các thông tin chính chứ không phải liệt kê tất cả các thông tin được đề cập đến trong biểu đồ.
6. Chú ý đến việc sử dụng từ ngữ và cấu trúc câu linh hoạt, đa dạng. Đây sẽ là 2 trong 4 tiêu chí giám khảo sẽ sử dụng để đánh giá bài viết của thí sinh.

2. Các dạng bài và phân loại:

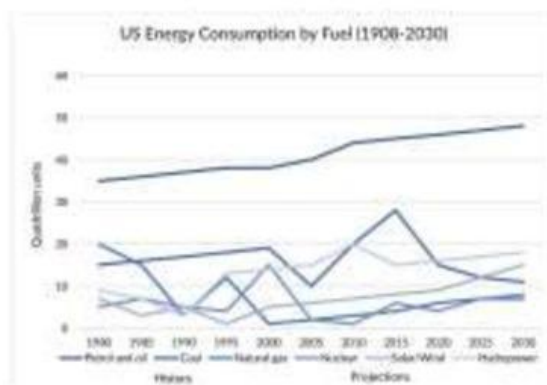
Có 4 dạng câu hỏi chính trong IELTS writing Task 1:

- Dạng biểu đồ có dòng thời gian (Trend / Xu hướng)
- Dạng biểu đồ không có dòng thời gian (Comparison / So sánh)
- Dạng biểu đồ hình + diagram (mô tả):
- Dạng biểu đồ hỗn hợp:

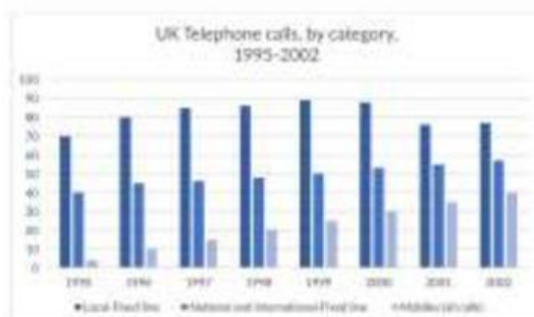
2.1 Dạng biểu đồ có dòng thời gian (Trend / Xu hướng)

Khi chúng ta thấy trong biểu đồ có từ hai khoảng thời gian khác nhau trở lên thì nó sẽ thuộc vào dạng biểu đồ xu hướng. Dưới đây là một số đề bài điển hình cho dạng bài này:

1. The graph below gives information from a 2008 report about consumption of energy in the USA since 1980 with projections until 2030.



2. The chart below shows the total number of minutes (in billions) of telephone calls in the UK divided into three categories, from 1995 - 2002.



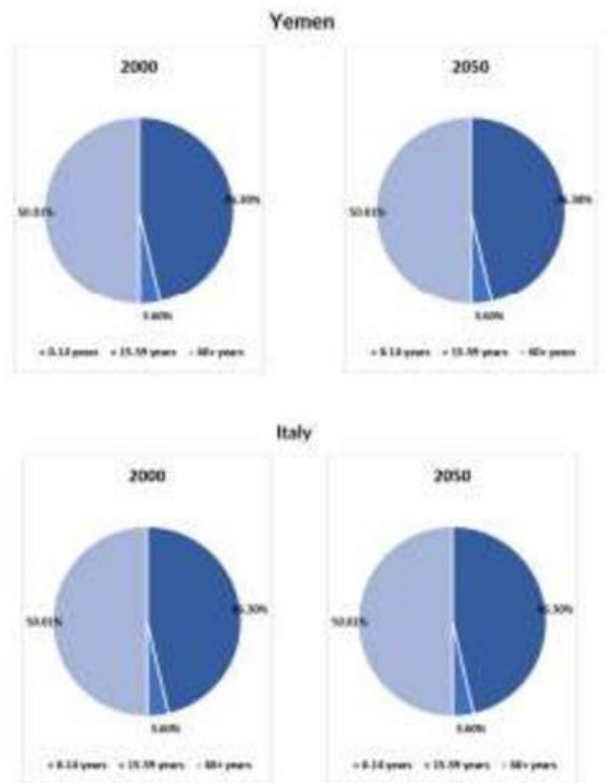
3. The tables below give information about sales of Fairtrade - labelled coffee and bananas in 1999 and 2004 in five European countries.

Sales of Fairtrade-labelled Coffee and Bananas (1999&2004)

Coffee	1999 (millions of euros)	2004 (millions of euros)
UK	1.5	20
Switzerland	3	6
Denmark	1.8	2
Belgium	1	1.7
Sweden	0.8	1

Coffee	1999 (millions of euros)	2004 (millions of euros)
Switzerland	15	47
UK	1	5.5
Belgium	0.6	4
Sweden	1.8	1
Denmark	2	0.9

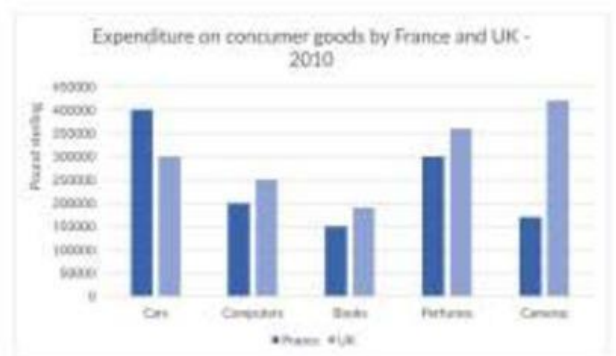
4. The charts below give information on the ages of populations of Yemen and Italy in 2000 and projections for 2050.



2.2 Dạng biểu đồ không có dòng thời gian (Comparison / So sánh)

Khi chúng ta thấy trong biểu đồ không đề cập tới năm hoặc chỉ nhắc đến một năm duy nhất thì nó thuộc vào dạng biểu đồ so sánh. Dưới đây là một số đề bài điển hình cho dạng bài này:

1. The chart below shows the expenditure of two countries on consumer goods in 2010.

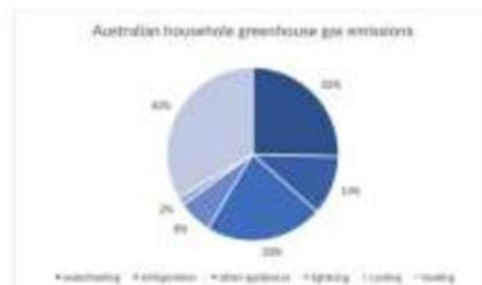
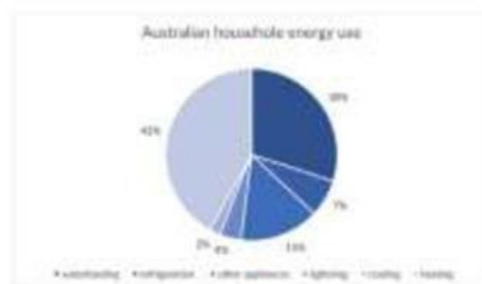


2. The table below gives information on consumer spending on different items in different countries in 2002

Percentage of national consumer expenditure by category-2002

Country	Food/ Drinks/ Tobacco	Clothing/ Footwear	Leisure/ Education
Ireland	28.91%	6.43%	2.21%
Italy	16.36%	9.00%	3.20%
Spain	18.80%	6.51%	1.98%
Sweden	15.77%	5.40%	3.22%
Turkey	32.14%	6.63%	4.35%

3. The first chart below shows how energy is used in an average Australian household. The second chart shows the greenhouse gas emissions which result from this energy use.



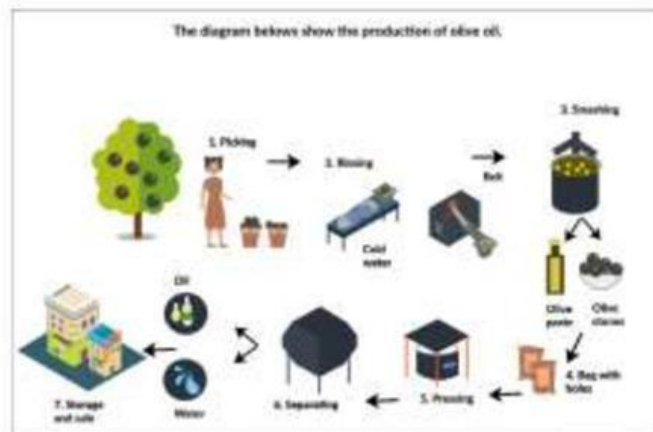
2.3 Dạng biểu đồ hình + diagram (mô tả):

Với dạng biểu đồ này chúng ta có hai loại chính như sau:

- Dạng biểu đồ quy trình (Process):

Biểu đồ quy trình cũng có hai loại chính là: Được đánh số thứ tự (Numbered) và Không có số thứ tự (Unnumbered)

1. The diagrams below shows the production of olive oil.

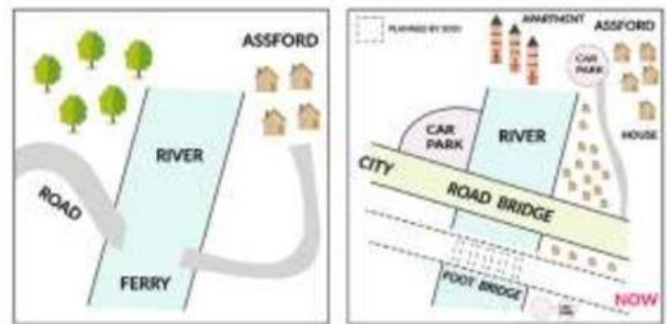


2. The diagram below shows the recycling process of plastic.



- **Dạng mô tả bản đồ (Maps):**

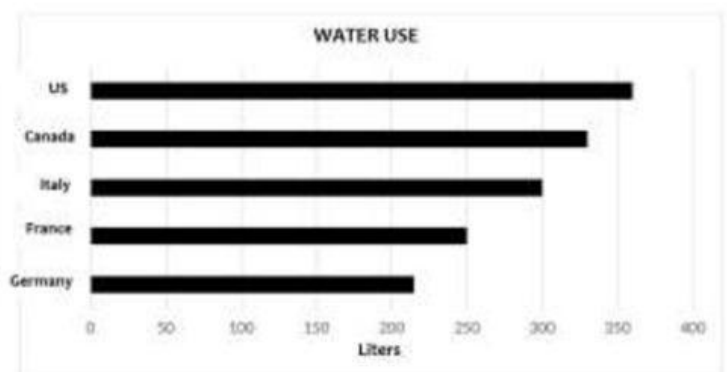
3. The maps below show the development of a particular area from 2005 to the present day.



2.4 Dạng biểu đồ hỗn hợp:

Dạng biểu đồ hỗn hợp: Đôi khi chúng ta còn gặp dạng biểu đồ hỗn hợp, kết hợp giữa hai trong số các dạng biểu đồ trên, bao gồm biểu đồ đường (Line), biểu đồ cột (Bar), biểu đồ tròn (Pie), bảng số liệu (Table). Dưới đây là một đề bài điển hình:

3. The table and chart below show the domestic water use and cost in 5 countries.



Cost of water (US dollars/m ³)	
US	0.01
Canada	0.31
Italy	0.7
France	2.1
Germany	1.35